TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 5 - 2024
V/v *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thủy.

2. Bà Nguyễn Thị Di.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền tham gia phiên tòa*:** Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 377/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Bà Lê Thị A, sinh năm: 1990. (có mặt)

HKTT: Tổ 6, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Chỗ ở: 123/81 Điện Biên Phủ, khu phố H, TT.H, huyện L, tỉnh BRVT

2- Bị đơn: Ông Lê Chí T, sinh năm: 1989. (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ F, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ AN:

* Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị A và ông Lê Chí T chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà A và ông T tự nguyện chung sống không bị ai ép buộc, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do làm ăn thua lỗ, nợ nần phải bán hết tài sản, từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm. Bà A và ông T sống ly thân được khoảng một năm thì quay lại hàn gắn tình cảm chung sống vợ chồng, nhưng đến khoảng giữa năm 2023 vợ chồng

không hàn gắn tình cảm được nữa nên đã ly thân từ tháng 7/2023 cho đến nay, từ khi ly thân đến nay bà A và ông T không hàn gắn lại tình cảm vợ chồng lần nào, không còn quan hệ với nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Nay bà A không còn tình cảm với ông T nữa nên yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Bà A xác định, bà Avà ông T có 02 (hai) người con chung là các cháu Lê Chí H, sinh ngày: 08/4/2011 và Lê Chí H1, sinh ngày: 09/9/2015.

Tại đơn khởi kiện bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi mỗi cháu 3.000.000đồng/01 tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Ngày 16/4/2024, bà A có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung. Bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Biên bản lấy lời khai ngày 23/11/2024 cháu Lê Chí H và cháu Lê Chí H1 có nguyện vọng được ở với bà A.

* Bị đơn ông Lê Chí T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không chấp hành. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết công khai các thủ tục tố tụng đối với ông Lê Chí T tại nơi ông T đang sinh sống là: Tổ 6, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã P, huyện L và Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền phát biểu về quá trình giải quyết vụ án: Về tố tụng: Xác định việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Thẩm phán, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX và nguyên đơn tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhưng không chấp hành. Về nội dung vụ án đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lê Chí H, sinh ngày: 08/4/2011 và Lê Chí H1, sinh ngày: 09/9/2015 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà Á không yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung: Bà Á không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị A yêu cầu ly hôn với ông Lê Chí T, ông T hiện đang sinh sống tại huyện L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt ông T theo Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị A và ông Lê Chí T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn, do đó hôn nhân giữa bà Á và

ông T là hợp pháp. Theo bà A, vợ chồng chung hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do do làm ăn thua lỗ, nợ nần, mặc dù đã cố gắng hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, bà A và ông T đã sống ly thân từ khoảng tháng 7/2023 cho đến nay, hiện nay không còn quan hệ với nhau về tình cảm cũng như kinh tế, bà A không còn tình cảm với ông T nữa nên yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng nhau, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, trong quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã mời bà A và ông T làm việc để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng ông T không có mặt, điều này cho thấy mâu thuẫn giữa bà A và ông T là có thật và trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương tôn trọng nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở cho bà Lê Thị A ly hôn với ông Lê Chí T.

[2.2] Về con chung: Bà A xác định, bà A và ông T có 02 (hai) người con chung là các cháu Lê Chí H, sinh ngày: 08/4/2011 và Lê Chí H1, sinh ngày: 09/9/2015. Xét thấy, 02 cháu đều có nguyện vọng được ở với bà A, đồng thời bà A có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, đồng thời ông T vắng mặt và không có ý kiến gì về con chung. Do đó, cần giao cháu H và cháu H1 cho bà A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà A rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, do đó cần đình chỉ đối với yêu cầu này. Bà A không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà A phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án Bà. Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị A về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị A được ly hôn với ông Lê Chí T.

3. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung là các cháu Lê Chí H, sinh ngày: 08/4/2011 và Lê Chí H1, sinh ngày: 09/9/2015 cho bà Lê Thị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Lê Chí T không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà A không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con; cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị A không yêu cầu giải quyết, nên không xét đến.

5. Về án phí: Bà Lê Thị A phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp theo biên lai thu số 0002060 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, bà Á đã nộp đủ. Ông Lê Chí T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/5/2024), các đương sự được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn này được tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND H.Long Điền;
- UBND TT.Long Hải,
(số 338/2010, quyển số 02/2010);
- TAND tỉnh BRVT;
- Chi cục THADS H.Long Điền;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Dung